

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 01/1997/TT-NH11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 1 năm 1997

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn "Quản lý các dự án đầu tư và xây dựng" của ngành Ngân hàng
theo Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo
Nghị định 42/CP của Chính phủ ngày 16/7/1996**

Ngày 16 tháng 7 năm 1996 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 42/CP về Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng (sau đây viết tắt là ĐTQLĐT & XD 42/CP) thay thế Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng ban hành theo Nghị định số 177/CP ngày 20/10/1994 của Chính phủ. Liên bộ xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 04 TTLB ngày 10/9/1996 hướng dẫn thi hành Điều lệ 42/CP.

Thực hiện Điều 4 Nghị định và Điều 59 của ĐTQLĐT & XD 42/CP, Ngân hàng Nhà nước Việt nam hướng dẫn thêm một số điều chủ yếu (ngoài nội dung hướng dẫn tại Thông tư liên bộ) để thay thế cho chỉ thị số 03/CT của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 8/6/1992 như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG ĐIỀU LỆ 42/CP VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ:

1. Phạm vi áp dụng Điều lệ QLĐT & XD 42/CP đối với ngành Ngân hàng:

Tất cả các dự án đầu tư và xây dựng của ngành ngân hàng (bao gồm Ngân hàng Nhà nước; Ngân hàng thương mại quốc doanh, Tổng công ty vàng bạc đá quý Việt nam được thành lập theo Quyết định số 90/TTg ngày 7/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ; các công ty, xí nghiệp, trung tâm Đầu tư và NCKHNN, Trung tâm tin học trực thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, các công ty tài chính, các ngân hàng cổ phần (gọi tắt là NH) đều thuộc đối tượng áp dụng ĐLQLĐT & XD 42/CP ngày 16/7/1996 và các thông tư hướng dẫn của các Bộ,

các ngành có chức năng quản lý Nhà nước về công tác xây dựng cơ bản. Tuy nhiên đối với các tổ chức tín dụng, các Ngân hàng cổ phần, các công ty tài chính không sử dụng vốn Nhà nước thì Ngân hàng Trung ương chỉ quản lý các dự án đầu tư và xây dựng về mục tiêu, quy mô phát triển của đơn vị gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên từng địa bàn và gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành đã được thống đốc phê duyệt.

2. Nguồn vốn đầu tư Nhà nước trong ngành Ngân hàng bao gồm:

- Vốn Ngân hàng Nhà nước cấp.
- Vốn đầu tư hình thành từ khấu hao cơ bản, trích lợi nhuận sau thuế, vốn tự huy động của các doanh nghiệp, vốn đi vay; Ngoài ra nếu được Thống đốc cho phép bằng văn bản thì có thêm các loại vốn liên doanh, liên kết, các loại vốn khác được tính theo Điều lệ đối với các doanh nghiệp Ngân hàng quốc doanh mà vốn của doanh nghiệp ngân hàng là chủ yếu.

II. VỀ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ VÀ UỶ QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Căn cứ quy định tại điều 7 của ĐLQLĐT & XD 42/CP, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định thẩm quyền quyết định đầu tư và uỷ quyền quyết định đầu tư các "Dự án đầu tư và xây dựng" sử dụng vốn Nhà nước trong hệ thống ngân hàng như sau:

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước là người có thẩm quyền:

- a) Xem xét và đề nghị Chính phủ phê duyệt dự án nhóm A.
- b) Quyết định các dự án đầu tư thuộc nhóm B (từ 7 tỷ đồng trở lên) trong toàn ngành Ngân hàng và trước khi quyết định nhóm B phải có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- c) Quyết định đầu tư các dự án thành lập Công ty liên doanh giữa các doanh nghiệp trong nước, mục tiêu kinh doanh của ngành là chính ở cả dự án nhóm B và nhóm C.

2. Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại quốc doanh, tổng công ty vàng bạc và đá quý là chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng thuộc nhóm A, nhóm B (từ 7 tỷ đồng trở lên) và được quyền quyết định các dự án nhóm C bằng nguồn vốn tự có của hệ thống mình. Ngân hàng thương mại quốc doanh, Tổng công ty vàng bạc đá quý trên địa bàn là chủ đầu tư quản lý trực

tiếp dự án đầu tư nhóm C được cấp có thẩm quyền cấp phát vốn; xem xét và đề nghị phê duyệt dự án nhóm A, B.

3. Cục trưởng Cục quản trị tham mưu cho Thống đốc xem xét đề nghị Chính phủ phê duyệt dự án nhóm A và trình Thống đốc phê duyệt dự án nhóm B và được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước uỷ quyền quyết định các dự án nhóm C (dưới 7 tỷ đồng) của hệ thống Ngân hàng Nhà nước (trong đó bao gồm cả các công ty, xí nghiệp, Trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học ngân hàng Nhà nước, trung tâm tin học... trực thuộc). Riêng các dự án nhóm C của Ngân hàng Nhà nước xây dựng tại Ngân hàng Trung ương (gồm 49 Lý Thái Tổ; 17 Bến Chương Dương) do Thống đốc phê duyệt.

4. Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố và các đơn vị trực thuộc là chủ đầu tư các dự án bằng nguồn vốn tự có và ngân sách được Ngân hàng trung ương cấp; Cục trưởng Cục quản trị, Vụ trưởng Văn phòng Ngân hàng Nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh là chủ đầu tư các công trình tại Ngân hàng Trung ương.

III. VỀ THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ KỸ THUẬT VÀ TỔNG DỰ TOÁN

Việc thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán theo điều 27 của ĐLQLĐT & XD 42/CP trong ngành Ngân hàng được thực hiện như sau:

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán các công trình dự án thuộc nhóm A và nhóm B trong toàn ngành ngân hàng sau khi đã được cơ quan chuyên môn thẩm định về thiết kế kỹ thuật và Bộ Xây dựng thẩm định tổng dự toán đối với dự án nhóm A (Sử dụng bộ máy tham mưu đủ năng lực của ngành hoặc có thể thuê đơn vị tư vấn nếu cần thiết đối với nhóm B). Cục quản trị là đơn vị tham mưu cho Thống đốc trong công tác quản lý xây dựng cơ bản của ngành Ngân hàng.

2. Hội đồng quản trị các Ngân hàng thương mại quốc doanh, Tổng công ty vàng bạc đá quý có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán và thiết kế bản vẽ thi công + dự toán chi tiết (nếu công trình thiết kế 2 bước) các công trình dự án nhóm C (dưới 7 tỷ đồng) cho các đơn vị cơ sở trực thuộc.

3. Cục trưởng Cục quản trị được Thống đốc uỷ quyền phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công + dự toán chi tiết các công trình dự án nhóm C trở xuống sau khi đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép về chủ trương đối với các dự án đầu tư của Chi nhánh Ngân hàng Nhà

nước tỉnh, các công ty xí nghiệp, trung tâm đào tạo và Nghiên cứu khoa học Ngân hàng, Trung tâm tin học thuộc Ngân hàng Nhà nước, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương... Riêng các công trình thuộc dự án nhóm C xây dựng tại Ngân hàng trung ương (gồm 49 Lý Thái Tổ, 17 Bến Chương Dương) do Thống đốc phê duyệt thiết kế + dự toán.

IV. VỀ ĐẤU THẦU VÀ CHỈ ĐỊNH THẦU:

Việc đấu thầu và chỉ định thầu theo Điều 30 của ĐLQLĐT & XD 42/CP và Điều 43 thuộc chương VI Quy chế đấu thầu của Chính phủ ban hành ngày 16/7/1996 tại Nghị định số 43/CP được thực hiện trong ngành ngân hàng như sau:

1. Nguyên tắc chung:

Đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước (bao gồm các nguồn vốn quy định tại phần I, điểm 2 của Thông tư này) Chủ đầu tư phải tổ chức đấu thầu theo quy chế đấu thầu của Nhà nước, trừ các dự án sau đây thực hiện theo chỉ định thầu:

- a) Dự án có tính chất bí mật quốc gia: Các hạng mục công trình thuộc nhà máy in tiền quốc gia, kho tiền của Nhà nước, Trung tâm dữ liệu tin học Ngân hàng.
- b) Dự án có giá trị nhỏ dưới 500 triệu đồng.

2. Xét duyệt kết quả đấu thầu:

a) Đối với dự án thuộc nhóm B: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kết quả đấu thầu trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư đối với công trình dự án nhóm B (từ 7 tỷ đồng trở lên) các gói thầu: tuyển chọn tư vấn giá trị từ 500 triệu đến 10 tỷ đồng; các gói thầu mua sắm vật tư thiết bị hoặc xây lắp có giá trị từ 10 tỷ đến 50 tỷ, Các gói thầu lớn hơn giá trị tối đa nói trên phải được Thủ tướng Chính phủ thông qua trước khi phê duyệt kết quả đấu thầu:

Hội đồng quản trị các Ngân hàng thương mại quốc doanh, Tổng công ty vàng bạc đá quý được Thống đốc uỷ quyền phê duyệt kết quả các gói thầu tuyển chọn tư vấn dưới 500 triệu đồng; các gói thầu mua sắm vật tư thiết bị hoặc xây lắp có giá trị dưới 10 tỷ đồng trở xuống (đối với dự án nhóm B).

Các dự án liên doanh và hợp tác kinh doanh thì Hội đồng quản trị các Ngân hàng thương mại quốc doanh, Tổng công ty vàng bạc đá quý quyết định kết quả lựa chọn nhà thầu trên cơ sở thoả thuận của Bộ Kế hoạch và đầu tư.